TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2025/DS-PT
Ngày: 25 – 9 – 2025
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trrương Minh Diền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng cũ) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cũ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 188/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Sơn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 66, ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Bà Sơn Thị U, sinh năm 1936; địa chỉ: Ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ông Sơn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 152, ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Sơn H: Ông Võ Hoàng A, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Võ Hoàng A, thuộc Đoàn Luật sư

thành phố Cần Thơ; địa chỉ: Số 986, đường V, Khóm B, phường M, thành phố Cần Thơ (Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cũ), (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Sơn Thị P, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 66, ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sơn Thị P: Ông Sơn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 66, ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (có mặt).

2. Bà Sơn Thị Xà E, sinh năm 1997; địa chỉ: Số nhà 152, ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (có mặt).

3. Ông Sơn C, sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà 152, ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (vắng mặt).

4. Bà Kim Thị T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

5. Bà Thạch Thị I, sinh năm 1944 (vắng mặt).

6. Ông Sơn Ô, sinh năm 1964 (vắng mặt).

7. Ông Sơn Ê, sinh năm 1966 (vắng mặt).

8. Ông Sơn A, sinh năm 1969 (có mặt).

9. Bà Sơn Kiều O, sinh năm 1979 (vắng mặt).

10. Bà Sơn Thị Bé L, sinh năm 1990 (vắng mặt).

11. Bà Sơn Thị Y, sinh năm 1991 (vắng mặt).

12. Bà Sơn Thị Bé M, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ).

13. Bà Huỳnh Thị Ư, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị T, bà Thạch Thị I, ông Sơn Ô, ông Sơn Ê, ông Sơn A, bà Sơn Kiều O, bà Sơn Thị Bé L, bà Sơn Thị Y, bà Sơn Thị Bé M, ông Sơn C và bà Huỳnh Thị Ư: Ông Sơn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 152, ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (Có mặt)

14. Bà Lý Thị K, sinh năm 1960 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

15. Ông Sơn Ă, sinh năm 1979 (có mặt).

16. Ông Sơn Â, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

17. Bà Sơn Thị Ơ, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

18. Bà Sơn Thị Z, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ).

19. Ông Lý X, sinh năm 1931 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

20. Ông Thạch B, sinh năm 1967 (vắng mặt).

21. Bà Thạch Thị Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt).

22. Ông Thạch S, sinh năm 1971 (vắng mặt).

23. Bà Thạch Thị Đa F, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà Đ, ông S và bà Đa F: Ông Sơn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (có mặt).

24. Ông Thạch J, sinh năm 1977; địa chỉ trước khi đi nước ngoài: Ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ (xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cũ), (vắng mặt).

- *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Bà Sơn Thị W – Cán bộ hưu trí (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Sơn H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Sơn N trình bày:

Sinh thời, ông Sơn G (chết năm 1976) có 02 người vợ, vợ thứ nhất là bà Lâm Thị R (chết năm 1964) sinh được 02 người con là Sơn Thị U và Sơn Q. Vợ thứ hai là bà Thạch Thị Ờ (chết năm 2018), có 04 người con là Sơn Sươl (hy sinh năm 1969), Sơn Thị P, Sơn Ớ (chết năm 1995) và ông Sơn N. Lúc còn sống, cụ G và cụ Ờ khai phá được 04 thửa đất gồm: Thửa 380 diện tích 12.729m^2, thửa 381 diện tích 10.712m^2, thửa 417 diện tích 46.535m^2 và thửa 409 diện tích 18.709,6m^2. Sau đó, nhà nước thành lập Nông trường của Ban dân tộc Tỉnh ủy của tỉnh Hậu Giang (cũ) trong đó có các phần đất do ông G và bà Ờ khai phá. Sau này, Nông trường của Ban dân tộc Tỉnh ủy của tỉnh Hậu Giang (cũ) giải thể, phần đất của ai thì trả về chủ cũ.

Sau khi Nông trường giải thể, phần đất của ông G – bà Ờ bị ông Q và bà U chiếm sử dụng nên bà Ờ và ông N khởi kiện tại Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu). Sau đó, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu giao phần diện tích tại các thửa 380, 381 và 417 cho bà Sơn Thị U và ông Sơn Q sử dụng ổn định đến nay.

Riêng thửa 409, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, thị xã V; ông Sơn N và mẹ là bà Thạch Thị Ờ quản lý, sử dụng. Đến ngày 04/6/2009, bà Sơn Thị U có lập văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hòa Đông chia cho bà Thạch Thị Ờ và ông Sơn N sử dụng toàn bộ phần đất này với mục đích thờ cúng ông bà.

Sau khi bà U làm giấy tờ cho đất thì phần đất này bà Ờ và ông N tiếp tục sử dụng chủ yếu là đốn lá Dừa nước, chặt cây làm củi đến năm 2015 ông H tranh chấp và đăng ký quyền sử dụng đất nhưng ông N không đồng ý, ông H gửi đơn đến Ủy ban nhân thị xã Vĩnh Châu tranh chấp phần đất nêu trên theo quy định pháp luật.

Ông N thống nhất với kết luận định giá theo giá của Hội đồng định giá tài sản thị xã Vĩnh Châu, không yêu cầu định giá theo giá thị trường.

Đối với tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông N tự nguyện chịu.

- Bị đơn ông Sơn H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị T, bà Thạch Thị Tiến, ông Sơn Ô, ông Sơn Ê, ông Sơn A, bà Sơn Kiều O, bà Sơn Thị Bé L, bà Sơn Thị Y, bà Sơn Thị Bé M, ông Sơn C và bà Huỳnh Thị Ư trình bày:

Nguồn gốc phần đất mà ông Sơn N tranh chấp là của ông Sơn Q (cha ruột ông H), đất này trước năm 1986 do Nông trường ban dân tộc tỉnh Hậu Giang quản lý, sau đó đến năm 1989 Nông trường giải thể thì đất nông trường cho người dân bao chiếm sử dụng, lúc đó ông Sơn Q bao chiếm sử dụng diện tích đất này trồng lá, đến năm 1993 ông Q cho con là ông Sơn H sử dụng nên ông H đào lên liếp toàn bộ diện tích đất tại thửa 409 để nuôi tép, lúc đào ông H có mướn khoảng 20 người dân ở đó để phụ làm, trên đất còn có 01 cây nước do ông Q đóng trên 40 năm. Trước đây ông Sơn N tranh chấp với cha mẹ ông H nhưng không tranh chấp đất này mà chỉ tranh chấp các thửa 380, 381 và 417 và còn ký giáp ranh khi đo đất giao cho bà Thạch Thị I.

Ông N không có sử dụng đất, nhưng đến năm 2015 ông H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông N ngăn cản nên ông H có đến gặp ông N để xin làm giấy, ông N tranh chấp nên ông H có làm đơn gởi yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu giải quyết, có mời hòa giải nhưng không thành đúng như ông N trình bày.

Phần diện tích tranh chấp khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tại thửa đất 409 tờ bản đồ số 08 (bản đồ chính quy là thửa 206 tờ bản đồ số 09) tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; do ông H là người trực tiếp dẫn đi đo, chỉ ranh có diện tích là 23.259,5m^2, có số đo tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp sông Trà Niên có số đo 45,84m + 30,11m + 78,41m + 4,05m.

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 409 có số đo 21,74m + 62,38m.

Hướng Nam giáp thửa 474 có số đo 77,74m; giáp thửa 417 có số đo 5,25m + 157,68m + 20,40m.

Hướng Bắc giáp sông Trà Niên có số đo 17,04m + 62,93m + 74,73m + 20,17m.

Tài sản trên đất là lá dừa nước tự mọc nên ông H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nay, ông H thống nhất diện tích đo đạc của Tòa án nêu trên, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N. Ông H yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của ông N để ông đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ông H thống nhất với kết luận định giá theo giá của Hội đồng định giá tài sản thị xã Vĩnh Châu, không yêu cầu định giá theo giá thị trường.

- Bị đơn bà Sơn Thị U vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết, bà U trình bày:

Cha của bà U là ông Sơn G (chết năm 1976) có 02 người vợ, vợ thứ nhất là bà Lâm Thị R (chết năm 1964) sinh được 02 người con là Sơn Thị U và Sơn Q. Vợ thứ hai là bà Thạch Thị Ờ (chết năm 2018), có 4 người con là Sơn Sươl (hy sinh năm 1969), Sơn Thị P, Sơn Ớ (chết năm 1995) và ông Sơn N. Lúc còn sống, ông G khai phá được 04 thửa đất gồm: Thửa 380 diện tích 12.729m^2, thửa 381 diện tích 10.712m^2, thửa 417 diện tích 46.535m^2 và thửa 409 diện tích 18.709,6m^2.

Sau khi ông G chết, bà Ờ và ông N có tranh chấp với bà U và ông Q. Sau khi Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu giải quyết thì các phần đất tại các thửa 380, 381 và 417 giao cho bà Sơn Thị U và ông Sơn Q sử dụng ổn định đến nay.

Riêng thửa 409, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, thị xã V chưa chia cho ai. Vào ngày 04/6/2009, đúng là bà Sơn Thị U có lập văn bản cho ông N và bà Ờ thửa đất này để thờ cúng ông bà, lúc làm có nhờ Ban nhân dân ấp và Ủy ban nhân dân xã Hòa Đông xác nhận.

Nay, ông N yêu cầu chia thừa kế, bà U đồng ý cho ông N kỷ phần thừa kế của bà được nhận theo quy định pháp luật. Ngoài ra, do lớn tuổi, đi lại khó khăn nên bà U xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập để giải quyết vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị P trình bày:

Bà Pịt thống nhất với ý kiến của ông Sơn N. Kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng theo quy định pháp luật, bà Pịt tự nguyện cho ông N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị K, ông Sơn Ă, ông Sơn Â, bà Sơn Thị Z và bà Sơn Thị Ơ có yêu cầu giải quyết vắng mặt, trình bày:

Thống nhất với ý kiến của ông Sơn N. Kỷ phần thừa kế ông Sơn Ớ được hưởng thì bà Lý Thị K, ông Sơn Ă, ông Sơn Â, bà Sơn Thị Z và bà Sơn Thị Ơ đều tự nguyện cho ông N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Xà E trình bày:

Bà Phe thống nhất ý kiến của ông Sơn H. Đây là đất của ông Sơn Q nên không đồng ý việc ông N yêu cầu chia thưa kế.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cũ đã quyết định: Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 611, 612, Điều 613, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sơn N đối với bị đơn bà Sơn Thị U và ông Sơn H về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất. Về hàng thừa kế:

- Ông Sơn G chết ngày 18/02/1976 và bà Lâm Thị R chết ngày 10/8/1964 (vợ thứ nhất) có 02 người con là bà Sơn Thị U và ông Sơn Q (chết ngày 04/3/2005) [ông Sơn Q có vợ là bà Thạch Thị I và 06 người con là Sơn Ô, Sơn Ê, Sơn A, Sơn Kiều O, Sơn H và Sơn Thu (chết năm 2022, có vợ là Huỳnh Thị Ư và 03 người con là Sơn Thị Bé L, Sơn Thị Y, Sơn Thị Bé M)].

- Ông Sơn G chết ngày 18/02/1976 và bà Thạch Thị Ờ chết ngày 09/9/2017 (vợ thứ hai) có 04 người con là Sơn Sươl (hy sinh năm 1969, không có vợ con); bà Sơn Thị P; ông Sơn Ớ (chết năm 1995 có vợ là Lý Thị K và 04 người con là Sơn Ă, Sơn Â, Sơn Thị Z, Sơn Thị Ơ) và ông Sơn N.

Chia di sản thừa kế bằng hiện vật như sau: Diện tích 23.259,5m^2, tại thửa 409, tờ bản đồ số 08 (bản đồ chính quy là thửa 206, tờ bản đồ số 09), tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cụ thể:

* Kỷ phần thừa kế ông N được hưởng là 6.460,97m^2, cộng thêm kỷ phần ông N được hưởng từ những người thừa kế khác tặng cho (bà U là 1.938,29m^2; vợ và các con của ông Sơn Ớ là 6.460,97m^2; bà Sơn Thị P là 6.460,97m^2). Từ đó, có cơ sở chấp nhận kỷ phần thừa kế ông N được hưởng là 21.321,2m^2, tại thửa 409, tờ bản đồ số 08 (bản đồ chính quy là thửa 206, tờ bản đồ số 09), tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có giá trị là 959.454.000 đồng (Chín trăm năm mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng), có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp Sông Trà Niên.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 409, chia cho ông Q.

- Hướng Nam giáp thửa 474.

- Hướng Bắc giáp sông Trà Niên.

* Kỷ phần của ông Sơn Q (có vợ là bà Thạch Thị I và 06 người con là Sơn Ô, Sơn Ê, Sơn A, Sơn Kiều O, Sơn H và Sơn Thu (chết năm 2022, có vợ là Huỳnh Thị Ư và 03 người con là Sơn Thị Bé L, Sơn Thị Y, Sơn Thị Bé M) được là 1.938,29m^2, tại thửa 409, tờ bản đồ số 08 (bản đồ chính quy là thửa 206 tờ bản đồ số 9) tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có giá trị là 87.223.050 đồng (Tám mươi bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn không trăm năm mươi đồng), có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 409, chia cho ông N.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 409.

- Hướng Nam giáp thửa 474.

- Hướng Bắc giáp sông Trà Niên.

(Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03/4/2025, bị đơn ông Sơn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm

số 12/2025/DS-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cũ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử lại toàn bộ vụ án, hủy bỏ quyết định sơ thẩm và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp thửa đất số 409 của ông.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Sơn N không rút lại đơn khởi kiện và cho rằng: Nguồn gốc đất là của cụ G và cụ Ờ khai phá, sau đó Nhà nước thành lập Nộng trường của Ban Dân tộc Tỉnh ủy của tỉnh Hậu Giang cũ. Sau này Nông trường giải thể, phần đất của ai thì trả về chủ cũ, nên thửa đất số 409 do ông và mẹ ông là bà Ờ quản lý, sử dụng và ngày 04/6/2009 ông được bà Sơn Thị U (là con vợ trước của cha ông) lập văn bản chia cho ông và bà Ờ thửa đất số 409, ông và bà Ờ tiếp tục sử dụng. Thửa đất này từ xưa tới nay có tranh chấp không thể cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 589 cho ông H được, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H.

+ Bị đơn ông Sơn H không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Thửa đất số 409 là của cha mẹ ông cho ông, không phải đất của cha mẹ ông N, trước đây là do Nông trường quản lý, đến năm 1989 Nông trường giải thể thì người dân vào sử dụng, cha ông vào sử dụng đến năm 1993 thì cha ông cho ông sử dụng tới nay, ông N không có sử dụng đất, Tòa án sơ thẩm đem chia thừa kế và lấy luôn thửa đất 589 của ông để chia thừa kế là không đúng và xâm phạm quyền lợi của ông, nay ông không đồng ý đo đạc lại. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm không đưa đầy đủ người thừa kế vào tham gia tố tụng, nên giữ nguyên đơn kháng cáo.

+ Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Sơn H cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông H khai phá từ năm 1989 và cho lại ông H từ năm 1993 và ông H quản lý, sử dụng từ khi cho tới nay, gia đình ông N không có quản lý, sử dụng đất, nên khi dẫn đo đạc thì đo luôn thửa đất số 589 của ông H và đem chia thừa kế thửa đất 409 và 589 là hoàn toàn không có cơ sở, vì không phải đất của cha mẹ ông N. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm không đưa đầy đủ người thừa kế vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Do đó, đề nghị HĐXX hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thẩm quyền.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân thủ, chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Sơn H, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông Sơn H là đúng theo quy định tại các điều 271, 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) - viết tắt là Bộ luật TTDS, nên kháng cáo của ông Sơn H làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Sơn Thị U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị K, ông Sơn Â, bà Sơn Thị Ơ, bà Sơn Thị Z, ông Lý X vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Sơn Thị P, bà Kim Thị T, bà Thạch Thị I, ông Sơn Ô, ông Sơn Ê, ông Sơn A, bà Sơn Kiều O, bà Sơn Thị Bé L, bà Sơn Thị Y, bà Sơn Thị Bé M, ông Sơn C, bà Huỳnh Thị Ư, ông Thạch B, bà Thạch Thị Đ, ông Thạch S, bà Thạch Thị Đa F đều vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; ông Sơn Ă, ông Thạch J vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của những người này cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của ông Sơn H về yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cũ và công nhận thửa đất số 409 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông. Xét thấy:

[3.1] Theo đơn kháng cáo và các Tờ tường trình kèm theo ông Sơn H cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng, do bà Thạch Thị Ờ trước khi về sống chung với ông Sơn G thì bà Ờ có 01 một người chồng trước và có 02 người con chung tên Lý X và Lý Thị Sẹn (đã chết) - có 05 người con là Thạch B, Thạch Thị Đ, Thạch S, Thạch J và Thạch Thị Đa F. Thấy rằng, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người vừa nêu trên, nên Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Sau khi đưa những người này vào tham gia tố tụng thì ông Lý X, ông Thạch B, bà Thạch Thị Đ, ông Thạch S, bà Thạch Thị Đa F có văn bản trình bày ý kiến là nhường phần thừa kế của mình cho ông Sơn N. Tuy nhiên, còn ông Thạch J thì đã xuất cảnh đi nước ngoài và không có ý kiến gì liên quan đến vụ án, nếu tham gia tố tụng từ giai đoạn phúc thẩm thì làm mất quyền kháng cáo của đương sự, trừ trường hợp họ đồng ý. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ những người vừa nêu trên là chưa đảm bảo đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật TTDS.

[3.2] Theo đơn kháng cáo và các Tờ tường trình kèm theo ông Sơn H cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm lấy thửa đất số 589, diện tích 5.200m^2 do UBND huyện Vĩnh Châu cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 11/11/1998 cho ông đứng tên để chia thừa kế là xâm phạm quyền lợi của ông. Thấy rằng, khi khởi kiện ông Sơn N yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 18.709,6m^2, thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ (BL số 177) thể hiện: Đo đạc chưa hết thửa đất số 409, tờ bản đồ số 08 thì đã có diện tích 23.239,5m^2 (nhiều hơn đơn khởi kiện diện tích 4,529,9m^2). Đối chiếu với hình thể thửa đất số 589 theo giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông H ngày 11/11/1998 (BL số 147) thì thửa đất này nằm giữa thửa đất số 417 và 409, nhưng qua Mảnh trích đo địa chính số 27-21 (BL số 178) thì thể hiện thửa đất số 409 giáp

với thửa đất số 417. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì đã tiến hành đo đạc bao trùm luôn thửa đất số 589 của ông Sơn H và đem chia thừa kế luôn thửa đất này là vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Sơn H, ông Sơn H không đồng ý đo đạc lại mà đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Mặt khác, tại phiên tòa ông Sơn N cho rằng đất từ xưa tới nay có tranh chấp không thể cấp giấy chứng nhận cho ông Sơn H được. Tuy nhiên, trước đây chỉ tranh chấp thửa đất số 380, 381 và 417, không có tranh chấp thửa đất số 409 cũng như thửa đất số 589. Vì vậy, lời trình bày của ông Sơn N là không có căn cứ, các văn bản giải quyết của UBND đều xác định không có tranh chấp thửa đất số 409 (BL số 281 – 351). Còn việc ông Sơn N cho rằng ngày 04/6/2009, ông được bà Sơn Thị U (là con vợ trước của cha ông) lập văn bản chia cho ông và bà Ờ thửa đất số 409 là không có cơ sở, vì thửa đất số 409 chưa có cơ sở xác định là của bà U.

[3.3] Từ những nhận định như đã nêu trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền va lợi ích hợp pháp của đương sự, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên kháng cáo của ông Sơn H về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận. Còn yêu cầu công nhận thửa đất số 409 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông, HĐXX chưa xem xét. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều Điều 310 của Bộ luật TTDS để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân dân thị xã Vĩnh Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ) và trả hồ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Việc hủy bản án sơ thẩm là khách quan, vì các đương sự không ai trình bày liên quan đến thửa đất số 589. Mặt khác, trước đây UBND thị xã Vĩnh Châu đã giải quyết tranh chấp đối với thửa đất số 417 và thể hiện thửa đất này giáp với thửa đất số 409, không thể hiện giáp thửa đất số 589, dẫn đến việc thẩm định không chính xác.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm, nên Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét đến những nội dung kháng cáo khác của ông Sơn H.

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Sơn H đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm có liên quan đến yêu cầu kháng cáo của ông Sơn H, nên ông Sơn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Sơn H, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 6 Điều 313 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Sơn H.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ) và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Sơn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Sơn H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006414 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu (nay là Phòng Thi hành án khu vực 8 - Cần Thơ).

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng KTNV và THA TAND TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA-VP.